

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

(Red circular stamp or mark on the right edge)

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch
Ông Park Soon O	Ủy viên
Ông Cho Yong Hwan	Ủy viên
Ông Lee Je Won	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đào	Ủy viên
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Ủy viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Bán hàng
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính - Nhân sự
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010



Số: 108 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét chấp nhận toàn phần đề ngày 31 tháng 8 năm 2009. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		333.214.897.773	320.471.799.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.963.224.094	130.691.248.872
1. Tiền	111		28.763.224.094	8.903.524.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.000	121.787.724.639
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.231.928.275	55.001.185.760
1. Phải thu khách hàng	131		70.406.898.147	48.106.717.529
2. Trả trước cho người bán	132		11.233.347.385	9.626.015.274
3. Các khoản phải thu khác	135		1.299.935.417	3.140.793.470
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.708.252.674)	(5.872.340.513)
III. Hàng tồn kho	140	5	185.826.196.572	131.055.826.549
1. Hàng tồn kho	141		185.826.196.572	131.055.826.549
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.193.548.832	3.723.538.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.843.168.148	1.874.600.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.981.479.769	57.092.972
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		632.420.735	264.669.009
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	27.736.480.180	1.527.175.812
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		101.726.550.141	95.070.675.016
I. Tài sản cố định	220		93.919.191.467	87.060.076.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	68.561.572.428	61.891.992.092
- Nguyên giá	222		161.763.916.321	151.121.065.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.202.343.893)	(89.229.073.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	19.906.885.755	20.873.989.767
- Nguyên giá	228		32.376.298.196	32.376.298.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.469.412.441)	(11.502.308.429)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5.450.733.284	4.294.095.032
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.088.360.000	3.088.360.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	2.395.160.000	2.395.160.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	693.200.000	693.200.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.718.998.674	4.922.238.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.806.607.612	4.397.406.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		912.391.062	524.831.515
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		434.941.447.914	415.542.474.628

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		81.861.325.820	80.120.336.300
I. Nợ ngắn hạn	310		81.858.634.539	80.029.992.354
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	10.156.202.480	-
2. Phải trả người bán	312		41.825.516.944	21.844.116.459
3. Người mua trả tiền trước	313		1.884.236.479	1.708.672.083
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	19.910.247.035	29.097.550.581
5. Phải trả người lao động	315		3.969.918.026	4.735.149.220
6. Chi phí phải trả	316		1.356.953.966	1.603.898.956
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	2.755.559.609	21.040.605.055
II. Nợ dài hạn	330		2.691.281	90.343.946
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.691.281	90.343.946
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	15	353.080.122.094	335.422.138.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		353.080.122.094	335.422.138.328
1. Vốn điều lệ	411		123.279.960.000	107.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.000.000.000	71.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.613.851.341	1.148.026.429
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.484.454.790	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		152.701.855.963	156.074.111.899
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		434.941.447.914	415.542.474.628



Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010

Cho Yong Hwan
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng	01	16	175.908.081.788	156.031.023.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		380.502.961	221.717.882
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	16	175.527.578.827	155.809.305.954
4. Giá vốn hàng bán	11	17	105.187.366.788	93.748.435.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		70.340.212.039	62.060.870.508
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	5.492.732.031	2.434.640.051
7. Chi phí tài chính	22	19	6.545.747.876	2.687.362.759
8. Chi phí bán hàng	24		17.121.005.025	8.077.104.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.055.666.306	12.562.998.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		34.110.524.863	41.168.044.791
11. Thu nhập khác	31		1.042.278.020	953.598.984
12. Chi phí khác	32		262.554.316	93.906.225
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		779.723.704	859.692.759
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.890.248.567	42.027.737.550
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	6.978.049.713	8.405.547.510
16. Lợi nhuận thuần sau thuế (60=50-51)	60		27.912.198.854	33.622.190.040



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010


MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.890.248.567	42.027.737.550
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.371.507.995	4.619.166.895
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	-	(398.161.941)
Chi phí lãi vay	06	104.855.579	72.655.872
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.366.612.141	46.321.398.376
(Tăng) các khoản phải thu	09	(26.441.658.147)	(31.319.878.205)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(54.770.370.023)	(26.274.770.645)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	4.281.751.885	17.325.452.521
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(6.171.145.950)	(240.028.261)
Tiền lãi vay đã trả	13	(104.855.579)	(72.655.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.890.401.553)	(9.226.425.400)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	294.976.283	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(114.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.435.090.943)	(3.601.607.486)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang	21	(1.793.798.194)	(2.924.776.530)
2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(26.095.625.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(1.980.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	398.161.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.889.423.194)	(4.506.614.589)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ vốn góp của các cổ đông	31	-	90.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.525.691.215	1.872.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.111.308.615)	(5.141.525.368)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.420.040.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.005.657.400)	86.730.474.632
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(101.330.171.537)	78.622.252.557
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	130.691.248.872	19.951.750.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	602.146.759	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	29.963.224.094	98.574.003.013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 10.436.824.377 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Cho Yong Hwan
Phó Tổng Giám đốc phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007 và các chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Công ty có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2003.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Đương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 770 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 450 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	09 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị kênh phân phối, thương hiệu, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	04
Tài sản vô hình khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con đang bị lỗ trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 giảm 1.613.851.341 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

1020
CÔNG
CHÍNH
ĐẠI
VIỆT
Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 24/2000/NĐ-CP, Công văn số 4130/TCT-CS của Bộ Tài chính gửi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 11 năm 2008 và Biên bản làm việc ngày 26 tháng 05 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ thời điểm Công ty bắt đầu kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ bảy Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động này chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	27.619.520.604	106.234.313.704	3.999.843.032	12.025.810.331	1.241.577.491	151.121.065.162
Tăng trong kỳ	115.272.036	11.535.626.171	654.306.138	736.603.449	-	13.041.807.794
Giảm trong kỳ	-	901.205.342	-	1.497.751.293	-	2.398.956.635
Tại ngày 30/06/2010	27.734.792.640	116.868.734.533	4.654.149.170	11.264.662.487	1.241.577.491	161.763.916.321
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	16.160.524.298	67.571.348.353	3.195.859.174	1.939.233.116	362.108.129	89.229.073.070
Trích vào chi phí trong kỳ	505.974.475	2.902.865.753	184.804.968	640.966.509	169.792.278	4.404.403.983
Giảm trong kỳ	-	55.861.320	-	374.438.066	833.774	431.133.160
Tại ngày 30/06/2010	16.666.498.773	70.418.352.786	3.380.664.142	2.205.761.559	531.066.633	93.202.343.893
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2010	11.068.293.867	46.450.381.747	1.273.485.028	9.058.900.928	710.510.858	68.561.572.428
Tại ngày 31/12/2009	11.458.996.306	38.662.965.351	803.983.858	10.086.577.215	879.469.362	61.891.992.092

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 với giá trị là 21.464.672.332 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 20.000.838.298 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá là 5.206.858.734 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	193.820.108	188.954.257
Tiền gửi ngân hàng	28.569.403.986	8.714.569.976
Các khoản tương đương tiền (*)	1.200.000.000	121.787.724.639
	<u>29.963.224.094</u>	<u>130.691.248.872</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	2.767.376.347	4.646.022.048
Nguyên liệu, vật liệu	95.729.727.295	81.059.928.473
Công cụ, dụng cụ	47.040.500	29.291.664
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.116.194.306	1.269.569.746
Thành phẩm	82.134.896.537	40.598.160.724
Hàng hoá	1.114.640.141	2.128.822.176
Hàng gửi đi bán	2.916.321.446	1.324.031.718
	<u>185.826.196.572</u>	<u>131.055.826.549</u>

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm khoản đặt cọc 26.095.625.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa ('Vietinbank') phát sinh trong kỳ theo hợp đồng mua bán tài sản ngày 22 tháng 12 năm 2009 để mua lại máy móc, thiết bị và các công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Viko Glowin. Các tài sản này được Công ty TNHH Viko Glowin bàn giao cho Vietinbank để phát mãi tài sản thanh toán nợ vay. Tổng giá trị hợp đồng mua bán tài sản này là 2.500.000 USD và 3 tỷ đồng đã bao gồm thuế và các nghĩa vụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	23.494.500.000	7.831.500.000	113.298.710	936.999.486	32.376.298.196
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	23.494.500.000	7.831.500.000	113.298.710	936.999.486	32.376.298.196
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	7.553.275.669	3.700.598.910	46.458.127	201.975.723	11.502.308.429
Trích vào chi phí trong kỳ	613.124.010	258.181.320	10.120.422	85.678.260	967.104.012
Tại ngày 30/06/2010	8.166.399.679	3.958.780.230	56.578.549	287.653.983	12.469.412.441
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2010	15.328.100.321	3.872.719.770	56.720.161	649.345.503	19.906.885.755
Tại ngày 31/12/2009	15.941.224.331	4.130.901.090	66.840.583	735.023.763	20.873.989.767

Thương hiệu và kênh phân phối được ghi theo giá gốc, phản ánh giá trị theo các hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty TNHH Viko Glowin ngày 19 tháng 12 năm 2003 và ngày 30 tháng 6 năm 2005.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Hệ thống phần mềm quản lý ERP	4.801.650.037	3.661.392.099
Hệ thống phần mềm Barcode	649.083.247	632.702.933
	5.450.733.284	4.294.095.032

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên cấp với vốn điều lệ là 9.600.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh của công ty này là sản xuất các loại nệm và các sản phẩm liên quan, nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất nệm và các sản phẩm liên quan. Theo Giấy chứng nhận đầu tư, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 58% tổng số vốn điều lệ của công ty con này, tương đương 5.568.000.000 đồng.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư kinh doanh cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh. Số vốn được ủy thác là 693.200.000 đồng tương ứng với 2.200 cổ phần của Công ty được đầu tư, đơn giá cổ phiếu là 315.090 đồng/cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phiếu.

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay USD từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với nguyên giá là 5.206.858.734 đồng và chịu lãi suất 5% trên dư nợ vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.033.243.294
Thuế xuất, nhập khẩu	11.690.991	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.001.398.516	24.913.750.356
Thuế thu nhập cá nhân	843.716.993	1.150.556.931
Các loại thuế khác	53.440.535	-
	19.910.247.035	29.097.550.581

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

Số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH KB Investments liên quan đến trái phiếu có thể chuyển đổi với số tiền là 17.491.000.000 đồng. Khoản phải trả này đã được Công ty thanh toán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	82.200.000.000	6.000.000.000	72.612.666.391	-	33.904.895	160.846.571.286
Phát hành cổ phiếu mới	25.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	86.190.282.130	-	-	86.190.282.130
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(2.545.558.023)	-	2.545.558.023	-
Tăng khác	-	-	-	1.148.026.429	-	1.148.026.429
Giảm khác	-	-	(183.278.599)	-	(2.579.462.918)	(2.762.741.517)
Số dư tại ngày 01/01/2010	107.200.000.000	71.000.000.000	156.074.111.899	1.148.026.429	-	335.422.138.328
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	16.079.960.000	-	(16.079.960.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.912.198.854	-	-	27.912.198.854
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i)	-	-	(4.484.454.790)	-	4.484.454.790	-
Cổ tức đã chia (ii)	-	-	(10.720.040.000)	-	-	(10.720.040.000)
Tăng khác	-	-	-	1.079.940.056	-	1.079.940.056
Giảm khác	-	-	-	(614.115.144)	-	(614.115.144)
Số dư tại ngày 30/06/2010	123.279.960.000	71.000.000.000	152.701.855.963	1.613.851.341	4.484.454.790	353.080.122.094

(i): Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 04 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng thêm 15% và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tăng thêm 4.484.454.790 đồng trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(ii): Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 10 tháng 04 năm 2010, Công ty quyết định chia cổ tức với tỷ lệ 10% của lợi nhuận sau thuế của năm 2009. Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 10.420.040.000 đồng trong kỳ. Phần cổ tức còn lại với số tiền 300.000.000 đồng chưa được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ sáu ngày 17 tháng 06 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 123.279.960.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư			Vốn thực góp tại ngày 30/06/2010	
	%	Số cổ phiếu	Số tiền	%	Số tiền
Ông Lee Jae Eun	20,15%	2.484.000	24.840.000.000	20,15%	24.840.000.000
Các cổ đông khác	79,85%	9.843.996	98.439.960.000	79,85%	98.439.960.000
	100%	12.327.996	123.279.960.000	100%	123.279.960.000

16. DOANH THU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	91.434.908.779	106.232.481.564
Doanh thu thành phẩm bông	67.369.216.039	42.562.590.393
Doanh thu chần bông	11.883.574.822	4.866.150.087
Doanh thu bán hàng hóa khác	5.220.382.148	2.369.801.792
Tổng	175.908.081.788	156.031.023.836
Các khoản giảm trừ	380.502.961	221.717.882
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>380.502.961</i>	<i>221.717.882</i>
Doanh thu thuần	175.527.578.827	155.809.305.954

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	67.749.310.884	66.183.533.284
Giá vốn thành phẩm bông	29.903.918.791	24.980.310.454
Giá vốn chần bông	6.844.833.726	2.497.347.571
Giá vốn bán hàng hóa khác	689.303.387	87.244.137
Tổng	105.187.366.788	93.748.435.446

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi	3.206.756.308	398.161.941
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.285.975.723	2.036.478.110
Tổng	5.492.732.031	2.434.640.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền vay	104.855.579	72.655.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.440.892.297	2.614.706.887
	6.545.747.876	2.687.362.759

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	34.890.248.567	42.027.737.550
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	34.890.248.567	42.027.737.550
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.978.049.713	8.405.547.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.978.049.713	8.405.547.510

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:		
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	27.912.198.854	33.622.190.040
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.836.133	8.358.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.576	4.022
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

22. CAM KẾT VỐN

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Cam kết góp vốn vào Mattpia	3.175.500.000	3.175.500.000

Thể hiện số vốn còn phải góp theo cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam ("Mattpia") dựa trên tỷ lệ góp vốn là 58% vốn điều lệ của Công ty Mattpia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 051033000003 ngày 30 tháng 07 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán tài sản ngày 22 tháng 12 năm 2009 để mua lại máy móc, thiết bị và các công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Viko Glowin, Công ty đã đặt cọc 26.095.625.000 đồng cho Vietinbank để mua lại các tài sản Công ty TNHH Viko Glowin đã bàn giao cho Vietinbank để phát mãi thanh toán nợ vay. Tổng giá trị hợp đồng mua bán tài sản này là 2.500.000 USD và 3 tỷ đồng đã bao gồm thuế và các nghĩa vụ tài chính khác. Công ty đã đặt cọc số tiền là 1.250.000 USD và 3 tỷ đồng. Phần còn lại là 1.250.000 USD sẽ được Công ty thanh toán sau khi nhận được các giấy tờ pháp lý theo như quy định tại hợp đồng mua bán tài sản.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	739.394.012	203.050.838

Mua hàng

Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	2.387.537.011	221.666.000
----------------------------------	---------------	-------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Mattpia Việt Nam	1.360.478.804	511.431.322

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.727.254.713	3.296.981.469

25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Sau ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 123.279.960.000 đồng lên 153.279.960.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 5 tháng 6 năm 2010. Ngày 9 tháng 8 năm 2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư (điều chỉnh lần 7) số 011033000055. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 153.279.960.000 đồng.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.
